TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TU** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT P** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2019/HS-ST
Ngày: 14-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT P

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà E Thị Lượng;

2. Ông E Sơn Tây.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế- Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 186/2019/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2019 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2019/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn A, sinh năm 1989 tại Thành phố Hồ Chí A; thường trú: Số 175/11 đường G, phường G, Quận 1, Thành phố Hồ Chí A; tạm trú: Khu phố H, phường T, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ sửa xe mô tô; trình độ văn hoá: Lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: P; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt P; con ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1967 và bà Lê Thị T K, sinh năm 1966; có 02 anh, em, lớn nhất là bị cáo; chưa vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/5/2019 cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Văn B, sinh năm 1997 tại An Giang; thường trú: Ấp Vĩnh Hoà 2, xã N, huyện Th, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: P; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt P; con ông Nguyễn Hùng D, sinh năm 1975 và bà Đoàn Thị Bích L, sinh năm 1978; có 02 anh em, lớn nhất là bị cáo; chưa vợ, con; tiền sự: Không. Tiền án: Bản án số 241/2017/HS-ST ngày 14/9/2017 của TAND thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 10 (Mười) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; đến ngày 01/3/2018 chấp hành xong hình phạt. Tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/5/2019 cho đến nay; có mặt.

3. Huỳn Văn C, sinh năm 1998 tại An Giang; thường trú: Ấp Hoà Hưng, xã Hoà Bình Thạnh, huyện Th, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Thợ cơ khí; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: P; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt P; con ông

E Thiện T, sinh năm 1969 và bà Lê Thị Mỹ R, sinh năm 1970; có 04 anh, chị, em, bị cáo là thứ 3; có vợ tên Nguyễn Thị Diễm E, sinh năm 1996 và 01 con tên Nguyễn Khang Bình, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 18/12/2013 bị UBND huyện Th, tỉnh An Giang quyết định đưa vào Trường Giáo dưỡng số 4; địa chỉ: Huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai 24 (Hai mươi bốn) tháng về hành vi "Trộm cắp tài sản"; đến ngày 18/12/2015 chấp hành xong. Tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/5/2019 cho đến nay; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị C, sinh ngày 29/3/1999; thường trú: Ấp Trà Coi A, xã H, huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng; có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Diễm E, sinh 1996; địa chỉ: Ấp 1, xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu; yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1995; vắng mặt.

2. Anh Bùi Xuân P, sinh năm 1989; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Trần Hiền Đức, sinh năm 1994; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Nguyễn A, Nguyễn Văn B và Huỳnh Văn C có mối quan hệ bạn bè, cả ba đều là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 04/5/2019, B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave biển số 83 PT-279.00 đến nhà A sửa xe. Sau đó, B nhờ A chở đến phòng trọ của anh Bùi Xuân P thì A đồng ý. Khoảng 09 giờ cùng ngày, B chở A đến phòng trọ của anh Bùi Xuân P thì B và A gặp anh Nguyễn Văn P (tên thường gọi Điền) đang ở trong phòng của anh Bùi Xuân P. Cùng lúc Thảo gọi điện hỏi A đang ở dâu thì A nói sẽ ra đón Thảo. Khi ra thì A thấy Thảo chở bạn gái tên Nguyễn Thị Diễm E bằng xe mô tô biển số 67C1- 596.42. A dẫn Thảo và Diễm E đến phòng trọ của anh Bùi Xuân P. Khi đang ngồi nói chuyện tại phòng trọ của anh Bùi Xuân P thì A đề xuất mua ma túy về cùng sử dụng thì Bùi Xuân P, Nguyễn Văn P và B không nói gì, Thảo đưa cho A 200.000 đồng để mua ma túy. Sau đó, B điều khiển xe mô tô hiệu Wave biển số 83PT-279.00 chở A đến khu vực vòng xoay An Phú thuộc phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương để mua ma túy. Trên đường đi, B đưa cho A 400.000 đồng để góp tiền mua ma túy. Khi đến vòng xoay An Phú thì A đưa cho B số tiền 1.000.000 đồng để B mua ma tuý của đối tượng tên Ngọc. Sau khi mua được ma tuý, B đưa bịch ma túy cho A cất vào trong bóp. Khoảng 11 giờ cùng ngày, B và A về đến phòng trọ của Bùi Xuân P thì B lấy ra 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, A lấy một ít ma túy đá bỏ vào dụng cụ, phần còn lại A hàn lại và cất vào trong bóp. Khi A, B, Bùi Xuân P, Nguyễn Văn P, Thảo và E đang chuẩn bị sử dụng ma túy thì Công an phường Thái Hòa tiến hành kiểm tra hành chính. A lấy trong bóp (ví) ra một bịch (gói) ma túy đá giao nộp, Công an phường T tiến hành niêm phong gói ma túy. B, Thảo và A khai bịch (gói) ma túy mà Công an thu giữ trong bóp (ví) của A là của Thảo, A và B góp tiền mua chung để sử dụng. Công an phường Thái Hòa bàn giao các đối tượng và hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã TU thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số 361/MT-PC09 ngày 07/3/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 2,1141gam, loại Methamphetamine.

Cáo trạng số 194/CT-VKS.TU ngày 16/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Nguyễn A, Nguyễn Văn B và Huỳnh Văn C về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn A, Nguyễn Văn B và Huỳnh Văn C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn B có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về hình phạt:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn A từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù; bị cáo Huỳnh Văn C từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (Một) bì thư chứa 2,1141g ma tuý và 01 (Một) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy đá;

- Trả cho bị cáo Nguyễn Văn B 01 (Một) điện thoại di động loại phím bấm hiệu Gitep màu vàng-đen;

- Trả cho bị cáo Nguyễn A 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng và 01 giấy chứng A nhân dân mang tên Nguyễn A;

- Trả cho bà Nguyễn Thị Diễm E 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobiistar LAIZORO 2 màu đen;

- Trả cho bà Nguyễn Thị C 01 (Một) xe mô tô hiệu Wave màu trắng biển số 83PT-279.00.

- Trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn C 01 (Một) xe mô tô biển số 67C1-596.42; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia phím bấm màu đen và 01 (Một) giấy chứng A nhân dân mang tên Huỳnh Văn C.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà Thảo là bạn gái của bị cáo Nguyễn Văn B. Chiếc xe mô tô hiệu Wave màu trắng biển số 83PT-279.00 mà Công an thu giữ là do bà Thảo cho bị cáo B mượn. Bà Thảo không liên quan đến việc bị cáo B phạm tội tàng trữ trái phép chất ma tuý. Do đó, đề nghị Tòa án trả lại cho bà Thảo chiếc xe mô tô hiệu Wave màu trắng biển số 83PT-279.00.

Quá trình điều tra người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diễm E trình bày: Bà E chung sống như vợ chồng với E C nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn. Bà E và Thảo đã có 01 con chung tên Nguyễn Khang Bình, sinh năm 2018. Bà E đi cùng với Thảo đến nhà anh Bùi Xuân P chơi thì thấy Công an bắt giữ Thảo do có hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý. Bà E không liên quan nhưng Công an có tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar LAIZORO 2 màu đen. Đề nghị Tòa án trả lại cho bà E chiếc điện thoại di động nêu trên.

Trong phần trình bày lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã TU, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là đúng thẩm quyền và đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh và khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo Nguyễn A, Nguyễn Văn B và Huỳnh Văn C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, thống nhất với nhau về quá trình thực hiện hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của người làm chứng, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; đủ căn cứ kết luận:

Vào ngày 04/5/2019, các bị cáo Nguyễn A, Nguyễn Văn B và Huỳnh Văn C đã thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý với khối lượng 2,1141gam, loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn A có vai trò đề xuất và thực hành tích cực, các bị cáo Nguyễn Văn B và Huỳnh Văn C phạm tội do bị cáo A rủ rê, lôi kéo nhưng thực hành tích cực.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải cho nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51của Bộ luật hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo A và Thảo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Văn B đã bị phạt tù về tội ít nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích nay lại phạm tội là tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Xét thấy, mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của từng bị cáo trong vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thấy:

Đối với vật chứng là 01 (Một) bì thư chứa 2,1141gam ma tuý và 01 (Một) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy đá thụ giữ của bị cáo B là công cụ, phương tiện phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với vật chứng là 01 (Một) xe mô tô biển số 83PT-279.00 thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị C, bà Thảo không có lỗi khi bị cáo B sử dụng xe làm phương tiện phạm tội. Do đó, trả lại xe cho bà Nguyễn Thị C.

Đối với vật chứng là 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobiistar LAIZORO 2 màu đen thuộc quyền sở hữu của bà Nguyễn Thị Diễm E không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bà E.

Đối với các vật chứng gồm: 01(Một) điện thoại di động loại phím bấm hiệu Gitep màu vàng-đen thu giữ của bị cáo B; 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng thu giữ của bị cáo A và 01 giấy chứng A nhân dân mang tên Nguyễn A; 01 (Một) xe mô tô biển số 67C1-596.42; 01 điện thoại di động hiệu Nokia phím bấm màu đen thu giữ của bị cáo Thảo và 01 giấy chứng A nhân dân mang tên Huỳnh Văn C không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

[9] Về việc xem xét áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn: Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với các bị cáo cho đến khi có quyết định thi hành án để đảm bảo cho việc thi hành án.

[10] Án phí sơ thẩm: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 106, 135, 136, 268, 269, 298, 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

- Điểm c khoản 1 Điều 249; các Điều 38, 46, 47, 48 và 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn A, Nguyễn Văn B và Huỳnh Văn C phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý".

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn A 02 (Hai) năm tù 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 04/5/2019.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn B 02 (Hai) năm tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 04/5/2019.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn C 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn phạt tù tính từ ngày 04/5/2019.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với các bị cáo đến khi có quyết định thi hành án để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46 và Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: 01 (Một) bì thư chứa 2,1141g ma tuý và 01 (Một) bộ dụng cụ tự chế dùng để sử dụng ma túy đá;

- Trả cho bị cáo Nguyễn Văn B 01 (Một) điện thoại di động loại phím bấm hiệu Gitep màu vàng-đen;

- Trả cho bị cáo Nguyễn A 01 (Một) điện thoại di động hiệu OPPO màu trắng và 01 giấy chứng A nhân dân mang tên Nguyễn A;

- Trả cho bà Nguyễn Thị Diễm E 01 (Một) điện thoại di động hiệu Mobiistar LAIZORO 2 màu đen;

- Trả cho bà Nguyễn Thị C 01 (Một) xe mô tô biển số 83PT-279.00 kiểu dáng Wave alpha (máy Detech) màu trắng bạc; số máy: VDEJQ139FMB3400991, số khung: RPEVCB4PEHA 400991;

- Trả cho bị cáo E C các vật chứng gồm: 01 (Một) xe mô tô Honda Winer biển số 67C1-59642; màu đỏ-trắng-đen; số máy: KC26E1245764; số khung: RLHKC2605JY003322; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia phím bấm màu đen và 01 (Một) giấy chứng A nhân dân mang tên E C.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/11/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thị xã TU và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU, tỉnh Bình Dương).

4. Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo Nguyễn A, Nguyễn Văn B và Huỳnh Văn C mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

5.1 Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

5.2 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã TU (01);
- Công an thị xã TU (03);
- Chi cục THADS thị xã TU (01);
(để thi hành);
- Người tham gia tố tụng (05);
- Lưu: HS, VT (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đào Văn Hưng